TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **288**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 13-8-2024 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4599/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Chung cư T, Tổ A, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hải Y, sinh năm 1984.

Thường trú: đường A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Hải Y tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/6/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2009. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều điểm không hợp nhau về tính tình và lối sống nên dẫn đến xung đột và xảy ra nhiều tranh cãi. Do vợ

chồng sống xa nhau về khoảng cách địa lý nên không có cơ hội để tìm tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như cách nuôi dạy con, đôi bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không được. Vì thời gian mâu thuẫn kéo dài nên khả năng đoàn tụ không có, tình cảm vợ chồng không còn và nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P xin được ly hôn với bà Nguyễn Hải Y để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 06/03/2012, giới tính: Nữ và Nguyễn Ngọc Khánh P1, sinh ngày 07/11/2016, giới tính: Nữ. Ông P đồng ý giao các con chung cho bà Y là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 tháng cho 02 người con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Vì bận việc, ông Nguyễn Hữu P yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai đã được chứng thực tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada ngày 24/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Hải Y xác nhận lời trình bày của ông Nguyễn Hữu P về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hải Y đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 06/03/2012, giới tính: Nữ và Nguyễn Ngọc Khánh P1, sinh ngày 07/11/2016, giới tính: Nữ. Bà Y đồng ý là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung; đồng ý việc ông P cấp dưỡng với số tiền 10.000.000 tháng cho 02 người con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Do điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, bà Nguyễn Hải Y yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Hải Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Phường A, quận G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113,

quyển số 01/2009 ngày 18/6/2010 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông P và bà Y là hợp pháp.

Do bị đơn đang cư trú ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của bà Nguyễn Hải Y đã được chứng thực tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada ngày 24/6/2024 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa ông P và bà Y lúc đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ngoài ra, do khoảng cách địa lý, thời gian sống chung vợ chồng không lâu, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Bên cạnh đó, bà Y cũng đồng ý ly hôn với ông P vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, để đôi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Từ những lý do trên, nhận thấy mục đích hôn nhân giữa ông P và bà Y không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông P.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 06/03/2012, giới tính: Nữ và Nguyễn Ngọc Khánh P1, sinh ngày 07/11/2016, giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Hải Y cùng thỏa thuận giao các con chung cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/ tháng/2 con chung.

Xét thấy, sự tự nguyện này của ông P và bà Y là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu P phải chịu theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng: Là 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu P phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Hải Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu P được ly hôn bà Nguyễn Hải Y.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Hải Y giao các con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh N, sinh ngày 06/03/2012, giới tính: Nữ và Nguyễn Ngọc Khánh P1, sinh ngày 07/11/2016, giới tính: Nữ cho bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng/2 con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

1.4. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hữu P chịu, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001160 ngày 13/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Án phí cấp dưỡng: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hữu P phải chịu.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Nguyễn Hải Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Nguyễn Hữu P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên